

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 15/2022/DS-PT
Ngày 11 - 5 - 2022
V/v tranh chấp về thừa
kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Tử Lượng.

+ Bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Chinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10, 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐPT-DS ngày 21/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 14/2022/QĐ-PT ngày 18/3/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 08/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: xóm 2, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* cụ Trần Thị Q, sinh năm 1922.

Địa chỉ: thôn 15, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

* *Người đại diện hợp pháp của cụ Trần Thị Q:* ông Phạm Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn 13, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* bà Phạm Thị D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn 15, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn 13, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: thôn 21, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn 28, phường Nguyễn Văn K, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn 13, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Phạm Trung K, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn 20, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn 20, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn 13, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

* *Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Đ1, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L, anh Phạm Trung K, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Th:* bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: xóm 2, xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020)

+ Anh Phạm Bá D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn 20, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Phạm Văn D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn 15, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Chị Phạm Thị Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn 15, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

* *Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Văn D:* bà Phạm Thị D, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn 15, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2020)

5. *Người kháng cáo:* bà Phạm Thị Đ (nguyên đơn).

Tại phiên tòa: bà Đ, ông H, bà D, chị Tr, bà L, anh K đều có mặt. Anh D vắng mặt. Cụ Qu vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho ông H. Bà Đ1, bà

T, chị V, chị Th vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà Đ. Anh D vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Phạm Văn Ch, cụ Trần Thị Q được Nhà nước cấp diện tích 570m² đất, gồm: đất ở 320m², đất vườn 120m², đất ao 130m²; tại thửa số 610, tờ bản đồ số 7, xã Kh, huyện Y. Đất đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Kim Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 28/8/1994 mang tên cụ Phạm Văn Ch. Ngoài tài sản nêu trên, cụ Ch cụ Qu không còn tài sản nào khác nữa.

Cụ Ch và cụ Qu sinh được 07 người con gồm: ông Phạm Văn Đ (đã chết năm 2008, ông Đ có 04 người con là anh Phạm Trung K, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Th, anh Phạm Bá D), bà Phạm Thị Đ1, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn D1 (đã chết năm 2016, có vợ là bà Phạm Thị D và 02 người con là anh Phạm Văn D1, chị Phạm Thị Tr) và bà là Phạm Thị Đ.

Cụ Ch chết năm 2011, không để lại di chúc. Toàn bộ diện tích đất đang do cụ Qu quản lý và sử dụng. Do vậy cụ Qu được hưởng một nửa khối tài sản chung là 285m² đất, gồm: đất ở 160m², đất vườn 60m² và đất ao 65m²), còn lại một nửa khối tài sản của cụ Ch là 285m² đất, gồm: đất ở là 160m², đất vườn là 60m² và đất ao là 65m².

Bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần đất của cụ Ch có diện tích là 285m² theo pháp luật cho 7 người con và mẹ bà là 8 phần, anh em đã thống nhất chia bằng diện tích đất vườn và đất thổ tại phía Bắc giao cho bà quản lý, bà có trách nhiệm thanh toán giá trị tiền cho các kỳ phần.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị D, bà có quan điểm như sau: năm 1991 ông D1 đã kết hôn với bà D, bố mẹ bà và ông bà D1 sống cùng một nhà. Đến năm 1999 bố mẹ bà có cho ông bà D1 làm tạm ba gian nhà để ở. Sau đó ông bà D1 đã cho anh Phạm Văn Kh thuê 6 năm bán hàng tạp hóa, còn ông bà D1 lại đã thuê chỗ khác để ở. Đến ngày 21/6/2010 thì cụ Ch bị bệnh nhồi máu não, liệt nửa người phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình. Đến ngày 16/7/2010 bệnh viện đã trả về. Khi cụ Ch chết được 3 ngày, ông bà D1 đã bảo kê từ nay không có ai có quyền gì ở trên mảnh đất này cả, chỉ có vợ chồng nhà ông mới được hưởng toàn bộ tài sản trên đất. Bà D đã căn cứ vào giấy hưởng quyền thừa kế đất và toàn bộ tài sản trên đất ngày 10/10/2010 để làm đơn yêu cầu độc lập hưởng $\frac{1}{2}$ đất của cụ Ch và cụ Qu thì bà không nhất trí. Năm 2013 ban địa chính huyện có về nhà văn hóa thôn 15, xã Kh để khảo sát và làm lại bìa đồ mới, lúc đó ông Phạm Văn D1 cầm tờ giấy hưởng quyền thừa kế đất (tờ bản sao) đưa cho ban địa chính huyện Yên Khánh để làm thủ tục sang tên cho ông D1 nhưng

không làm được, ban địa chính thu lại tờ giấy của ông D1. Sau đó ban địa chính gọi cụ Qu ra để cầm tờ giấy này. Lúc đó mẹ và anh em bà mới biết được nội dung trong đơn ông bà D1 đã viết hoàn toàn sai sự thật. Anh, chị, em không ai biết và cũng không được họp bàn với bố mẹ. Ông bà D1 cũng không nuôi dưỡng được bố mẹ bà, trong thời gian đó bố bà đang ốm, ông bà D1 đi thuê chỗ khác để ở, không chăm lo cho bố. Đến ngày 07/9/2019 mẹ bà có mời tất cả con cháu để họp bàn làm nhà cho mẹ. Các con cháu đã quyết định đóng góp để làm nhà cho mẹ và chỗ thờ tự gia tiên. Khi xây nhà thì bà D lại phá không cho xây. Bà D còn chửi gia đình mẹ bà và xây đến đâu thì bà D lại phá đến đó. Bà không đồng ý yêu cầu độc lập của bà D.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, cụ Trần Thị Q, ông Phạm Văn H vừa là người đại diện hợp pháp của cụ Trần Thị Q, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm: thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời gian cụ Ch chết và tài sản của cụ Ch để lại, nhất trí Tòa án chia phần đất của cụ Ch có diện tích 285m² đất cho 7 người con và cụ Qu theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Phạm Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Phạm Văn D, chị Phạm Thị Tr trình bày:

Năm 1991 bà xây dựng gia đình với ông Phạm Văn D1. Ông bà đã có hai con là Phạm Văn D và Phạm Thị Tr. Vợ chồng bà đã ở chung với bố mẹ chồng 30 năm. Năm 2000 vì nhà chật, cụ Ch bảo bà D viết nội dung giấy hưởng quyền thừa kế toàn bộ nhà và đất là 570m². Năm 2011 cụ Ch qua đời, còn cụ Qu vẫn ở chung với vợ chồng bà. Đến năm 2016 vợ chồng bà phải đi làm ăn xa. Ông bà mới đi được một tháng thì không may chồng bà bị người đi đường tông vào chết. Khi làm ma cho chồng bà chưa được 50 ngày, gia đình chồng vu cho bà thuê người giết chồng, đánh mẹ con bà và đòi chia đất. Đến tháng 9 năm 2019, bà đi làm thuê ở Hà Nội về thì ông Phạm Ngọc D có tổ chức buổi họp ở nhà văn hóa thôn 15, xã thống nhất làm nhà cho cụ Qu. Đến khi bà đi làm thì ở nhà, ông H cùng anh em đã phá tan nhà kho của bà. Bà tôn tạo làm nhà lại để ở thì ông H đã tổ chức anh em, con cháu kéo đến để cản trở việc xây dựng của bà. Nay bà yêu cầu giải quyết đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị Phạm Thị Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: căn cứ vào giấy hưởng thừa kế đất ở và toàn bộ tài sản trên đất ngày 10/10/2010 của ông bà nội chị (cụ Ch và cụ Qu) thừa kế cho bố mẹ chị là ông D1 và bà D, đã được cán bộ địa chính xã xác nhận. Bố mẹ chị là chủ sở hữu thửa đất 610 tờ bản đồ số 07 tại thôn 15, xã Kh Suốt 10 năm qua (2010-2020) bố mẹ và chị chăm sóc ông bà chu đáo. Nay thấy ông nội chị và bố chị đã mất, bà nội chị năm nay đã ngoài 90 tuổi, không còn minh mẫn. Giá đất lên cao nên phát sinh kiện đòi chia thừa kế là trái pháp luật. Yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đ là vì thửa đất số 610, diện tích 570m² là quyền sở hữu của bố mẹ chị.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Phạm Thị Đ1, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị L (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời gian cụ Ch chết và tài sản của cụ Ch để lại khi chết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì các bà nhất trí. Đối với yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị D yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ đất của cụ Ch và cụ Qu thì các bà không nhất trí, vì cụ Ch chết không để lại di chúc.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Phạm Trung K, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Th, anh Phạm Bá D (đều là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời gian cụ Ch chết và tài sản của cụ Ch để lại khi chết và yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là quyền sử dụng đất của cụ Ch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Điều 46 Luật Đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xứ: chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Đ và đề nghị của cụ Qu, ông H, bà Đ, bà T, bà L.

- Chia cho bà Đ, ông H, bà Đ1, bà T, bà L và phần thừa kế thế vị của ông Đ cho anh K, chị V, chị Th, anh D được hưởng thừa kế tài sản của cụ Ch sau khi chết để lại là 183,5 m² đất, trong đó có 120 m² đất vườn và 63,5 m² đất thổ cư có trị giá là 162.968.000 đồng và giao cho bà Đ được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất được chia. Bà Đ được quản lý, sở hữu tài sản trên đất là 39,57m tường rào có giá trị là 7.717.600 đồng và công bồi chúc đất vườn có giá trị là 5.000.000 đồng và 02 cây chuối, 02 cây na, 01 cây mít, 02 cây đào với giá trị 289.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà Đ được quản lý là 175.974.600 đồng. Bà Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 27.161.000 đồng. Thanh toán cho bà D khoản tiền công bồi chúc, giá trị phần tường rào với số tiền là 12.717.600 đồng.

- Chia cho bà D và anh D, chị Tr, được hưởng một phần di sản thừa kế tài sản của cụ Ch sau khi chết để lại là 145,186m² đất, trong đó có 130 m² đất ao và 15,186 m² đất thổ cư có trị giá là 48.960.000 đồng và quản lý tài sản của bà D có trên đất, gồm 01 ngôi nhà cấp 4, 01 cây nhãn và công bồi chúc mà bà đã san lấp ao.

- Chia cho cụ Qu được hưởng một kỹ phần di sản thừa kế tài sản của Ch sau khi chết để lại có giá trị là 48.960.000 đồng, được chia bằng diện tích đất nằm trong phần diện tích đất còn lại tại thửa số 610, tờ bản đồ số 07, xã Kh và cụ Qu quản lý toàn bộ tài sản nhà và công trình của cụ có trên đất.

(Có sơ đồ kèm theo). Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của Luật Đất đai.

- Bác yêu cầu độc lập của bà D về yêu cầu hưởng toàn bộ diện tích 285m² đất là phần tài sản của cụ Ch, theo giấy hưởng quyền thừa kế đất và toàn bộ tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, điều kiện thi hành án cho các đương sự.

Ngày 19 tháng 10 năm 2021 bà Phạm Thị Đ có đơn kháng cáo một phần bản án. Bà không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm chia cho bà D và các con của bà D 130 m² đất ao và 15,186 m² đất thổ cư. Bà Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: phần của bà D và các con bà D giao cho bà quản lý; bà Đ quản lý toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và công trình phụ của bà D; bà Đ sẽ thanh toán bằng tiền cho bà D và các con bà D.

Tại phiên tòa:

- Bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.
- Ông H, bà L, anh K có quan điểm: đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Đ.
- Bà D, chị Tr trình bày: mẹ con bà D có nhu cầu về chỗ ở nên không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Đ và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phân chia lại di sản thừa kế và tính lại án phí. Giao cho bà Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích 183,5m² đất ở có giá trị 434.528.000 đồng. Bà Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho mỗi kỹ phần thừa kế gồm ông H, bà Đ1, bà T, bà L và phần thừa kế thế vị của ông Đ cho anh K, chị V chị Th, anh D được hưởng 49.187.656 đồng. Bà Đ có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho kỹ phần thừa kế cho bà D và các con bà D số tiền 33.931.156 đồng, tiền bồi trừc và giá trị tường rào 12.717.000 đồng, thanh toán cho cụ Qu số tiền 105.470.906 đồng. Bà Đ được quản lý và sở hữu các tài sản trên đất gồm 39,57m tường rào, công bồi trừc đất và các cây cối trên phần diện tích đất được giao. Chia cho cụ Qu được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 269,7m² (đất ở 136,5m², đất cây lâu năm 133,2m²) có giá trị 337.218.000 đồng; cụ Qu được quản lý, sử dụng các tài sản của cụ trên đất được giao. Giao cho bà D và các con được quyền quản lý, sử dụng 145,3m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 15.256.500 đồng và được quản lý, sử dụng các tài sản công trình của vợ chồng bà xây dựng trên phần đất được giao. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận 300.000 đồng. Bà D và hai con bà D phải nộp 2.459.382 đồng án phí

dân sự sơ thẩm. Bà Đ phải nộp 2.459.382 đồng án phí về phần di sản thừa kế được nhận và 635.800 đồng án phí về thực hiện nghĩa vụ. Ông H, bà Đ, bà T, cụ Qu là người cao tuổi được miễn án phí. Bà L phải nộp 2.495.382 đồng; anh K, chị V, chị Th, anh D phải nộp 2.459.182 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Đ không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Bà Phạm Thị Đ đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của pháp luật, do đó phần của bản án sơ thẩm bị kháng cáo được xem xét giải quyết lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo.

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Ch chết ngày 15/01/2011, tính đến ngày bà Đ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch là quyền sử dụng đất vẫn trong thời hạn 30 năm. Căn cứ khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Đ thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế trong hạn luật định.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế.

Cụ Ch và cụ Quy sinh được 07 người con gồm: ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị Đ1, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn D và bà Phạm Thị Đ. Trong đó, ông Phạm Văn Đ chết năm 2008; ông Đ có 04 người con là anh Phạm Trung K, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Th, anh Phạm Bá D. Ông Phạm Văn D1 chết năm 2016; ông D1 có vợ là bà Phạm Thị D và 02 người con là anh Phạm Văn D, chị Phạm Thị Tr.

Thời điểm mở thừa kế của cụ Ch xác định là năm 2011. Căn cứ Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015, diện và hàng thừa kế của cụ Ch gồm có: những người thừa kế thế vị của ông Phạm Văn Đ là anh Phạm Trung K, chị Phạm Thị Hồng V, chị Phạm Thị Th, anh Phạm Bá D; bà Phạm Thị Đ1; ông Phạm Văn H; bà Phạm Thị L; bà Phạm Thị T; bà Phạm Thị Đ; ông Phạm Văn D1. Do ông D1 chết sau cụ Ch nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D1 được quyền quản lý sử dụng kỹ phần thừa kế của ông D1.

[2.3] Về yêu cầu kháng cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bản án sơ thẩm đã giao cho bà Phạm Thị Đ quản lý sử dụng 183,5 m² đất (120 m² đất vườn và 63,5 m² đất thổ cư) trong khối di sản của cụ Ch để lại. Giao cho những người thừa kế của ông Phạm Văn D1 là bà D, anh D, chị Tr được quyền quản lý sử dụng 145,186m² đất (130 m² đất ao và 15,186 m² đất thổ cư) là kỹ phần thừa kế của ông D1 được hưởng trong khối di sản của cụ Ch.

Hiện tại, bà Đ đã có nơi ở ổn định tại xóm 2, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Bà D và các con không có chỗ ở nào khác và đang sinh sống trên chính

phần đất mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà D, anh D, chị Tr quản lý, sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao kỹ phần thừa kế của ông D1 là quyền sử dụng đất cho mẹ con bà D1 quản lý sử dụng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ về việc: *giao lại phần đất đã giao cho bà D và các con bà D cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và công trình phụ của bà D cho bà Đ quản lý sử dụng; bà Đ có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị tiền cho bà D và các con bà D; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

[2.4] Những phần của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với đề nghị xem xét sửa bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không có thẩm quyền xem xét.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2021/0005489 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; bà Phạm Thị Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/5/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng

